

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DSPT

Ngày 17- 01- 2020

V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức Quảng Đ; trú tại: Buôn X, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. *Bị đơn:* Phòng công chứng A;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng V – Trưởng phòng;

Địa chỉ: Đường Q, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L; trú tại: Thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N; trú tại: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Quảng Đ trình bày:**

Vào năm 2017 tôi có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 1.240.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận bằng miệng với nhau là đến mùa tiêu sẽ trả. Tuy nhiên đến thời hạn ông T không trả nợ cho tôi mặc dù tôi đã đòi nhiều lần. Vì vậy, tôi đã làm đơn khởi kiện đến TAND huyện K, tỉnh Đắk Lắk để yêu cầu Tòa án huyện K giải quyết yêu cầu ông T trả toàn bộ số nợ trên cho tôi. Ngày 27 tháng 02 năm 2018, TAND huyện K đưa ra xét xử vụ án và ban hành bản án số 03/2018/DSST buộc ông T trả cho tôi số tiền gốc là 1.240.000.000 đồng và 71.014.000 đồng tiền lãi. Sau khi có bản án dân sự sơ thẩm ông T kháng cáo toàn bộ bản án lên TAND tỉnh Đắk Lắk, trong thời gian kháng cáo vào ngày 01 tháng 3 năm 2018 ông T có văn bản thỏa thuận chia tài sản chung chuyển giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của ông T sang cho bà Nguyễn Thị L là vợ ông T cụ thể là:

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 45, có diện tích 1.270m² đất tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BG 581235, ngày 21 tháng 9 năm 2012.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 45, diện tích 446 m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BA 784383 ngày 21/12/2010.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 45, diện tích 250 m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BN 600337, ngày 16/9/2014.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 53, 54 tờ bản đồ A8 diện tích 18.160 m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BA 790235 ngày 30/3/2011.

Như vậy, ông T đã có hành vi cố tình tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ phải thi hành khoản tiền nợ cho tôi, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích chính đáng của tôi. Do đó, tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L lập ngày 01/3/2018 tại Phòng công chứng A để đảm bảo quyền lợi cho tôi.

*** Bị đơn phòng công chứng A trình bày:**

Vào ngày 01/3/2018, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, địa chỉ thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến phòng công chứng A để công chứng văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng hồ sơ lưu số: 1527, quyền số: 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD (có hợp đồng lưu tại công chứng).

Về quy trình công chứng: Khi các bên đến giao dịch hợp đồng, chuyên viên phòng công chứng A tiến hành kiểm tra danh sách tài sản bị ngăn chặn theo quy định của pháp luật, các giấy tờ tùy thân, giấy tờ pháp lý về quyền đối với tài sản giao dịch, năng lực hành vi dân sự của các bên...Khi hồ sơ đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, chuyên viên hướng dẫn người đến yêu cầu công chứng chuyển hồ sơ đến Công chứng viên kiểm tra, hướng dẫn, giải thích quyền và nghĩa vụ, hậu quả pháp lý của giao dịch cho các bên biết, khi các bên nhất trí thì đề nghị ký hoặc điểm chỉ vào hồ sơ giao dịch. Sau khi các bên ký hoặc điểm chỉ vào hợp đồng giao dịch, công chứng viên ký vào hồ sơ chứng nhận theo quy định, chuyển hồ sơ cho bộ phận đóng dấu, thu phí theo quy định của pháp luật.

Đối với hồ sơ là văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng do phòng công chứng A ký chứng nhận vào ngày 01/3/2018 đã thực hiện đúng các bước theo quy trình xử lý hồ sơ và đúng quy định của pháp luật, mặt khác nguyên đơn là ông Nguyễn Đức Quảng Đ không có liên quan gì đến tài sản và không có quyền ngăn chặn các bên thực hiện quyền về tài sản của người khác do đó không thể hủy theo yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật bác yêu cầu của nguyên đơn, không thể hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ông T, bà L tại phòng công chứng A đã chứng nhận.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Vào ngày 01/3/2018, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L lập văn bản phân chia tài sản tại phòng công chứng A. Nội dung hai bên thỏa thuận phân chia cho bà Nguyễn Thị L các tài sản là quyền sử dụng đất gồm:

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 45, có diện tích 1,270m² đất tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BG 581235, ngày 21 tháng 9 năm 2012.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 45, diện tích 446m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BA 784383 ngày 21/12/2010.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 45, diện tích 250 m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BN 600337, ngày 16/9/2014.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 53, 54 tờ bản đồ số 38 diện tích 18.160 m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BA 790235 ngày 30/3/2011.

Văn bản phân chia tài sản được công chứng theo quy định của pháp luật, hiện nay các tài sản trên đã đăng ký đứng tên bà Nguyễn Thị L. Trước khi lập văn bản, tại phòng công chứng A, ông T, bà L đã có thỏa thuận phân chia tài sản vào tháng 02/2018, khi làm văn bản tại phòng công chứng A chỉ làm bổ sung theo hướng dẫn của cán bộ văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất với tài sản là Quyền sử dụng đất để đăng ký biến động.

Riêng đối với việc Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho ông Nguyễn Đức Quảng Đ số tiền 1.240.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L không biết việc ông T có vay ông Đ số tiền 1.240.000.000 đồng mà chỉ nghe Tòa án giải quyết tranh chấp nhưng không rõ kết quả cho đến khi cơ quan thi hành án thông báo mới biết. Nhận thấy việc công chứng văn bản phân chia tài sản của phòng công chứng A không sai pháp luật nên không thể chấp nhận việc khởi kiện của ông Nguyễn Đức Quảng Đ yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 46 Luật Công chứng;

Điều 42 Luật hôn nhân gia đình;

Điều 117; Điều 118; Điều 119; khoản 2 Điều 124; Điều 407 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Quảng Đ.

Tuyên bố “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L” số 1527 ngày 01/3/2018 quyền số 01/2018TP/CC-SCC/TSVC tại Phòng công chứng A thị xã B vô hiệu; hủy bỏ giá trị pháp lý đối với “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L” số 1527 ngày 01/3/2018 quyền số

01/2018TP/CC-SCC/TSVC tại Phòng công chứng A.

Kiến nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi, hủy giá trị pháp lý đối với những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: thửa đất số 233, tờ bản đồ số 45, có diện tích 1.270 m² đất tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BG 581235, ngày 21 tháng 9 năm 2012; thửa đất số 216, tờ bản đồ số 45 diện tích 446m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BA 784383 ngày 21/12/2010; thửa đất số 167, tờ bản đồ số 45 diện tích 250m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BN 600337, ngày 16/9/2014; thửa đất số 53, 54 tờ bản đồ A8 diện tích 18.160m² tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số BA 790235 ngày 30/3/2011 cho bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp có vi phạm về thủ tục tố tụng thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của ông T, bà L trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L lập ngày 01/3/2018 tại Phòng công chứng A vì cho rằng ông T có hành vi cố tình tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ phải thi hành khoản tiền nợ cho nguyên đơn, đây là việc khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà L vô hiệu mà không liên quan đến phòng công chứng A. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là Phòng công chứng A là sai đối tượng, trong trường hợp này phải xác định ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L là bị đơn mới chính xác.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà L, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi vụ án thụ lý lại.

[4]. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông T bà L, hủy bản án sơ thẩm nên ông T, bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi vụ án thụ lý lại.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, ông T, bà L mỗi người được nhận lại số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp và nộp thay tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0004628 ngày 01/10/2019 và biên lai số AA/2019/0004629 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. B;
- Dương sự;
- Công TTĐT TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung